

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 464/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08 – 12 – 2020
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Ông Phan Phước Tân.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 353/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 554/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 573/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 11, ấp AH, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Hồ Văn D, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 11, ấp AH, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà T vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 14/7/2020 của bà Nguyễn Thị T; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông D tự tìm hiểu, quen biết và được gia đình cho tiến đến hôn nhân vào năm 1991, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KA, huyện AP (theo Bản sao Trích lục kết hôn số 14/TLKH-BS ngày

15/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã KA, huyện AP).

Sau khi kết hôn, bà T và ông D sinh sống tại địa chỉ: Tổ 11, ấp AH, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống, bà T và ông D chỉ chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm. Sau khi có con thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông D thường xuyên rượu chè, không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên đánh đập bà T. Do không chịu đựng được sự bạo hành của ông D nên bà T đã lên Bình Dương làm và sinh sống khoảng 07 năm nay, thỉnh thoảng trong dịp Tết thì bà T mới trở về thăm hàng xóm. Quá trình sống ly thân, bà T được biết ông D đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông D sinh được ba con chung tên Hồ Thị Yến Nh, sinh ngày 01/01/1993, Hồ Thị Thanh T, sinh ngày 01/01/1995, Hồ Văn Hoàng N, sinh ngày 04/9/2004. Đối với Hồ Xuân Đ, sinh ngày 13/8/2006, bà T cho rằng Đ không phải con ruột của bà T và ông D. Đ là con của bà Hồ Thị Hoàng M và là cháu ruột của ông D, do khi còn nhỏ khó nuôi nên bà T và ông D nhận Đ làm con nuôi và làm giấy khai sinh với cha mẹ đứng tên khai sinh là bà T và ông D. Hiện nay Đ đã trở về sinh sống với cha mẹ ruột của mình nên bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với Hồ Thị Yến Nh và Hồ Thị Thanh T, cả hai hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động tạo thu nhập nuôi sống bản thân nên bà T cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Bà T chỉ yêu cầu được nuôi dạy Hồ Văn Hoàng N và không yêu cầu ông D cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông D để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 22/10/2020 nhưng ông D vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D, ông D cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 22/10/2020, bà T có đơn yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do đang đi làm xa, xin nghỉ nhiều ảnh hưởng đến công việc.

Tòa án cũng đã ban hành Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ số 1122/2020/TB-TA ngày 06/10/2020 và đã thông báo cho bà T, ông D biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà T giao nộp: Bản tự khai ngày 14/7/2020; bản sao Trích lục kết hôn số 14/TLKH-BS ngày 15/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã KA, huyện AP; bản sao Giấy khai sinh mang tên Hồ Thị Yến Nh, sinh ngày 01/01/1993, Hồ Thị Thanh T, sinh ngày 01/01/1995, Hồ Văn Hoàng N, sinh ngày 04/9/2004, Hồ Xuân Đ, sinh ngày 13/8/2006; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Hồ Văn D; bản chính Đơn yêu cầu ngày 22/10/2020; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T, Hồ Thị Yến Nh.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị H1 ngày 22/10/2020; biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Hồ Thị Yến Nh ngày 27/10/2020; biên bản xác minh ngày 27/10/2020 tại ban ấp AH, xã KA, huyện AP có sự xác nhận của Công an xã KA; bản chính Bản tự khai và bản photo Giấy chứng minh nhân dân mang tên Hồ Văn Hoàng N.

Tại phiên tòa, do bà T và ông D cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà T, biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị H1, bà Hồ Thị Yến Nh, bản tự khai Hồ Văn Hoàng N, biên bản xác minh tại ban ấp AH, xã KA, huyện AP ngày 27/10/2020 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 22/10/2020, bà Nguyễn Thị H1 cho biết: Bà Hoa là hàng xóm và nhà ở đối diện nhà bà T nên bà H1 biết rõ mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình giữa bà T và ông D.

Quá trình chung sống, bà T và ông D thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Tại địa phương, ông D thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn và thường xuyên đánh đập bà T. Nhiều lần giữa đêm khuya ông D rượt đánh bà T, bà T phải chạy qua nhà bà H1 trốn. Do không chịu được sự bạo hành của ông D nên bà T đã nhiều lần dẫn các con đi nơi khác sinh sống. Tôi được biết ông D và bà T sống ly thân nhau 6, 7 năm nay, vào các dịp lễ Tết thì bà T mới trở về thăm hàng xóm và thăm con do cháu Hồ Thị Yến Nh đang sinh sống gần ông D.

Kể từ khi bà T bỏ nhà đi thì ông D cũng có gia đình khác.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà H1 được biết giữa ông D và bà T sinh được ba con chung tên Hồ Thị Yến Nh, sinh ngày 01/01/1993, Hồ Thị Thanh T, sinh ngày 01/01/1995, Hồ Văn Hoàng N, sinh ngày 04/9/2004. Đối với Hồ Xuân Đ, sinh ngày 13/8/2006, Đào không phải con ruột của ông D và bà T, Đào là cháu ruột của ông D. Khi còn nhỏ Đ khó nuôi nên ông D và bà T nhận Đ làm con nuôi và làm giấy khai sinh.

Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

Do nhà xa nên bà H1 yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 27/10/2020, bà Hồ Thị Yến Nh cho biết: Bà Nhi là con ruột của ông Hồ Văn D và bà Nguyễn Thị T.

Ông D và bà T đã sống ly thân nhau từ 07 năm nay, nguyên nhân là do ông D say xỉn và thường đánh đập bà T. Khi đó, bà T dẫn theo Hồ Thị Thanh T, sinh ngày 01/01/1995 và Hồ Văn Hoàng N, sinh ngày 04/9/2004 lên Bình Dương sinh sống cho đến nay. Thời điểm đó bà Nhi đã có gia đình, sống riêng và sống gần nhà ông D và bà T. Sau khi sống ly thân thì ông D có chung sống với người phụ nữ khác.

Ông D và bà T chung sống với nhau có 03 người con: Hồ Thị Yến Nh, Hồ Thị Thanh T, sinh ngày 01/01/1995 và Hồ Văn Hoàng N, sinh ngày 04/9/2004. Đối với Hồ Xuân Đ, sinh ngày 13/8/2006. Đ là con ruột của bà Hồ Thị Hoàng M, bà M là em ruột của ông D. Khi Đ còn nhỏ hay bị đau bệnh, khó nuôi nên bà M xin cho Đào làm con nuôi ông D, bà T. Do đó, ông D, bà T làm giấy khai sinh đứng tên là cha mẹ của Đ. Đ hiện nay đã trở về sinh sống cùng cha mẹ ruột.

Ông D có nghề nghiệp làm thợ hồ, thường hay rượu chè say xỉn. Bà Nh có nhận thay ông D các văn bản tố tụng của Tòa án và bà Nhi có gọi lại cho ông D, nhưng do ông D ban ngày đi làm nên không thể đến Tòa án làm việc theo yêu cầu của Tòa án.

Bà Nh cam kết sẽ nhận thay và giao lại văn bản tố tụng của Tòa án cho ông D.

Do nhà xa, có con nhỏ nên bà Nhi yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Theo Biên bản xác minh tại Ban ấp AH, xã KA ngày 27/10/2020 có sự xác nhận của Công an xã KA, đại diện ban ấp An Hòa cho biết: Ông Hồ Văn D, sinh năm 1971 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 11, ấp AH, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang và thường xuyên sinh sống tại địa phương. Ông D tại địa phương thường xuyên say xỉn, rượu chè. Ông D có vợ là bà Nguyễn Thị T nhưng không còn chung sống với nhau từ lâu. Hiện nay, ông D đang chung sống với người phụ nữ khác không rõ họ, tên.

- Theo Bản tự khai ngày 27/10/2020 có sự chứng kiến của bà Hồ Thị Yến Nh, em Hồ Văn Hoàng N cho biết: Trường hợp ông D và bà T ly hôn thì N mong muốn được chung sống cùng bà T do từ trước đến nay, bà T là người chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Nước. Bản thân ông D thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, đánh đập Nước và bà T nên bà T đã dẫn N lên Bình Dương sinh sống từ 07 năm nay, không còn chung sống với ông D.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông D vắng mặt lần thứ hai không lý do; bà T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà Nguyễn Thị H1 và bà Hồ Thị Yến Nh đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà T và ông D đã đến mức trầm trọng, cả hai đã sống ly thân nhau từ lâu và không hàn gắn tình cảm, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi dạy con chung là cháu Hồ Văn Hoàng Nước của bà T, công nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với Hồ Xuân Đ, sinh ngày 13/8/2006, bà T và những người làm chứng cùng cho rằng Đ không phải là con ruột của bà T. Tuy nhiên, theo bản sao Giấy khai sinh số 710, quyển số 03 ngày 11/9/2006 của UBND xã KA thể hiện họ tên cha mẹ của Hồ Xuân Đ là bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Văn D. Bà T không có yêu cầu nuôi dạy cháu Hồ Xuân Đ. Do đó, đề nghị Tòa án giao cháu Đào cho ông Hồ Văn D trực tiếp nuôi dạy, nếu sau này ông D có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết trong một vụ án khác. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Hồ Văn D đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông D đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông D đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà Nguyễn Thị H1, bà Hồ Thị Yến Nh1 có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà T và ông D có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã KA, huyện An Phú cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 493 ngày 28/11/2003. Ông D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 11, ấp AH, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang. nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T cho rằng, quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do ông D thường xuyên rượu chè, không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên đánh đập bà T. Do không chịu đựng được sự bạo hành của ông D nên bà T đã lên Bình Dương làm và sinh sống khoảng 07 năm nay, thỉnh thoảng mới trở về thăm hàng xóm. Quá trình sống ly thân, bà T được biết ông D đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Những mâu thuẫn mà bà T trình bày được bà Nguyễn Thị H1, bà Hồ Thị Yến Nh xác nhận trong biên bản lấy lời khai người làm chứng và đại diện ban ấp AH, xã KA xác nhận trong biên bản xác minh ngày 27/10/2020 .

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà T và ông D lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Việc ông D thiếu sự quan tâm đến gia đình, rượu chè, có hành vi bạo lực gia đình đối với bà T, không chung thủy trong cuộc sống hôn nhân đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Bên cạnh đó, bà T và ông D đã sống ly thân nhau từ lâu, quá trình sống ly thân thì ông D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Điều này cho thấy

mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông D sinh được ba con chung tên Hồ Thị Yến Nh, sinh ngày 01/01/1993, Hồ Thị Thanh T, sinh ngày 01/01/1995, Hồ Văn Hoàng N, sinh ngày 04/9/2004. Bà T yêu cầu được nuôi dạy Hồ Văn Hoàng N và không yêu cầu ông D cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Sau khi xem xét điều kiện nuôi con của bà T, ông D cũng như sự đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để bà T được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Hồ Văn Hoàng N, sinh ngày 04/9/2004.

Đối với Hồ Thị Yến Nh và Hồ Thị Thanh T, cả hai hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động tạo thu nhập nuôi sống bản thân nên bà T cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Tòa án không đề cập giải quyết.

Đối với Hồ Xuân Đ, sinh ngày 13/8/2006, bà T và những người làm chứng bà Nguyễn Thị H1, bà Hồ Thị Yến Nh cùng cho rằng Đ không phải là con ruột của bà T, ông D. Tuy nhiên, theo bản sao Giấy khai sinh số 710, quyển số 03 ngày 11/9/2006 của UBND xã KA thể hiện họ tên cha mẹ của Hồ Xuân Đ là bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Văn D. Bà Nguyễn Thị T không có yêu cầu nuôi dạy cháu Hồ Xuân Đ. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Hồ Xuân Đ cho ông Hồ Văn D trực tiếp nuôi dạy, nếu sau này ông D có yêu cầu cấp dưỡng thì sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà T về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà T vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà T trong việc không yêu cầu ông D cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Hồ Văn D cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Nguyễn Thị T đối với cháu Hồ Văn Hoàng N. Ngược lại, bà Nguyễn Thị T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông Hồ Văn D đối với cháu Hồ Xuân Đ. Bà T và ông D cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở qua lại trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem

xét. Tuy nhiên, nếu sau này ông D có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà T và ông D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Hồ Văn D.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Hồ Văn Hoàng N, sinh ngày 04/9/2004; ông Hồ Văn D được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Hồ Xuân Đ, sinh ngày 13/8/2006. Ông Hồ Văn D và bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng qua lại để nuôi dạy con chung.

Ông Hồ Văn D cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Nguyễn Thị T đối với cháu Hồ Văn Hoàng N. Ngược lại, bà Nguyễn Thị T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông Hồ Văn D đối với cháu Hồ Xuân Đ. Bà T và ông D cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở qua lại trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004758 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Ông D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Nguyễn Thị T, ông Hồ Văn D. Bà T và ông D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Giấy chứng nhận kết hôn số 493 ngày 28/11/2003 của Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện An Phú cấp cho bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Văn D (theo bản sao Trích lục kết hôn số 14/TLKH-BS ngày 15/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã KA, huyện AP) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Khánh An, huyện An Phú (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Tuấn